

MỞ ĐẦU

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA ĐỀ TÀI

Việt Nam đang trong giai đoạn hội nhập mạnh mẽ với các nước trong khu vực và quốc tế vì vậy nền kinh tế của nước ta có những thay đổi hết sức căn bản để đáp ứng được với nhu cầu hội nhập. Sự phát triển nhanh chóng của khu vực kinh tế tư nhân và sự cải cách mạnh mẽ của khu vực kinh tế nhà nước đã thúc đẩy việc cải cách pháp luật công ty ở Việt Nam. Quốc hội đã ban hành Luật Doanh nghiệp 2005 để tạo ra sân chơi bình đẳng cho các thành phần kinh tế.

Ở Việt Nam, các doanh nghiệp vừa và nhỏ chiếm số lượng rất lớn. Do vậy loại hình công ty TNHH chiếm vị trí quan trọng, luôn là sự lựa chọn của người đầu tư.

Việc nhượng bán phần vốn góp trong công ty TNHH là một vấn đề pháp lý và kinh tế có ý nghĩa lớn hiện nay, bởi nó là một tài sản kinh doanh phụ thuộc nhà đầu tư và nhà đầu tư rất linh động khi sử dụng quyền này để tiến hành hoạt động kinh doanh. Trong khi đó pháp luật Việt Nam hiện nay còn khá nhiều bất cập liên quan.

Vì vậy tôi lựa chọn đề tài “Định đoạt phần vốn góp của thành viên trong công ty TNHH theo pháp luật Việt Nam” làm đề tài cho Luận văn thạc sỹ luật học của mình.

II. MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

Luận văn hướng tới các mục tiêu nghiên cứu: (1) Các vấn đề lý luận về phần vốn góp trong công ty TNHH; (2) Các hình thức định đoạt phần vốn góp, thực trạng quy định của pháp luật Việt Nam về định đoạt phần vốn góp trong công ty TNHH; (3) Những hạn chế và phương hướng hoàn

thiện quy định của pháp luật Việt Nam về định đoạt phần vốn góp trong công ty TNHH.

Luận văn chỉ nghiên cứu các vấn đề định đoạt phần vốn góp trong công ty TNHH theo pháp luật Việt Nam hiện hành và đưa ra các kiến giải liên quan.

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Luận văn được thực hiện trên nền tảng các nguyên tắc và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, và những quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam. Trên cơ sở đó, Luận văn kết hợp sử dụng các phương pháp nghiên cứu như: phương pháp phân tích, đối chiếu, so sánh, tổng hợp, thống kê, khái quát hoá để giải quyết nội dung khoa học của đề tài.

IV. BỐ CỤC CỦA LUẬN VĂN

Luận văn được chia làm ba chương như sau:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về định đoạt phần vốn góp của thành viên công ty TNHH

Chương 2: Thực trạng pháp luật Việt Nam về định đoạt phần vốn góp của thành viên trong công ty TNHH.

Chương 3: Những kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật Việt Nam về định đoạt phần vốn góp của thành viên trong công ty TNHH.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ĐỊNH ĐOẠT PHẦN VỐN GÓP CỦA THÀNH VIÊN TRONG CÔNG TY TNHH

1.1 Khái niệm và bản chất pháp lý của phần vốn góp trong công ty TNHH

Trong phần này tác giả làm rõ khái niệm về phần vốn góp và bản chất pháp lý của phần vốn góp.

1.1.1 Khái niệm về phần vốn góp của thành viên trong công ty TNHH

Công ty trách nhiệm hữu hạn là sản phẩm của hoạt động lập pháp. Các loại công ty khác do các thương gia lập ra, pháp luật thừa nhận và hoàn thiện nó. Công ty trách nhiệm hữu hạn là loại công ty trung gian giữa Công ty đối nhân và Công ty đối vốn, nó vừa có tính chất của một Công ty đối nhân là các thành viên quen biết nhau; việc thành lập, quản lý công ty đơn giản hơn công ty cổ phần. Nó có tính chất của công ty đối vốn vì các thành viên chỉ chịu trách nhiệm về mọi khoản nợ của công ty trong phạm vi số vốn họ đã góp vào công ty.

Có thể nói công ty TNHH là mô hình lý tưởng để kinh doanh ở quy mô vừa và nhỏ. Chính sự phù hợp với đặc điểm của nền kinh tế Việt Nam nên mô hình công ty TNHH rất phổ biến ở nước ta.

Khi đưa ra khái niệm “trách nhiệm hữu hạn” thì luật pháp cũng phải đưa ra một khái niệm khác, vừa để làm nền tảng vừa để làm cho khái niệm mới hợp lý. Vì vậy trên cơ sở để phù hợp với khái niệm “trách nhiệm hữu hạn” luật đã tách biệt người bỏ vốn ra khỏi cái cơ ngơi họ thành lập. Cơ ngơi người bỏ vốn ra để thành lập gọi là “pháp nhân”. *“Pháp nhân được hiểu là một tổ chức thống nhất, độc lập có tài sản riêng và chịu trách*

nhệm bằng tài sản của mình, nhân danh mình tham gia vào các quan hệ pháp luật một cách độc lập”.

Từ sự phân tích ở trên ta thấy được rằng có sự tách bạch giữa tài sản của người góp vốn và tài sản của công ty TNHH. Tài sản của người góp vốn sau khi góp vào để thành lập công ty thì tài sản đó thuộc quyền sở hữu của công ty TNHH chứ không còn thuộc quyền sở hữu của người góp vốn. Những người đã góp vốn thành lập công ty trở thành đồng chủ sở hữu công ty. Mỗi người trong số họ chiếm một phần trong tổng số vốn góp của công ty và được gọi là phần vốn góp của người góp vốn.

Vậy phần vốn góp là gì?

Theo khoản 5 điều 4 Luật Doanh nghiệp 2005 “*Phần vốn góp là tỷ lệ vốn mà chủ sở hữu hoặc chủ sở hữu chung của công ty góp vào vốn điều lệ*” .

Qua các phân tích ở trên có thể hiểu theo nghĩa chung nhất, phần vốn góp là danh từ dùng cho công ty TNHH, nói về giá trị về tài sản, dưới hình thức tiền mặt hay tài sản vô hình hoặc hữu hình, mà người góp vốn vào công ty TNHH để có những quyền và nghĩa vụ khi công ty được thành lập, hoạt động và giải thể.

1.1.2 Bản chất pháp lý của phần vốn góp.

Công ty thường được xem xét trên hai phương diện: kinh tế và pháp lý. Trên phương diện kinh tế, công ty được xem là một doanh nghiệp hay một thực thể kinh doanh. Và trên phương diện pháp lý, công ty được xem là hành vi pháp lý hay hành vi thương mại. Do đó phần vốn góp cũng được hiểu theo nghĩa kinh tế và nghĩa pháp lý, có nghĩa là cần xem xét khái niệm phần vốn góp từ phương diện kinh tế và từ phương diện pháp lý.

Nếu như xét từ phương diện kinh tế, phần vốn góp là sản nghiệp của người đã góp vốn vào công ty.

Xét về phương diện pháp lý thì phần vốn góp là tỷ lệ vốn mà người góp vốn đã góp vào công ty.

1.2 Phân loại các hình thức định đoạt phần vốn góp

Ở phần này tác giả làm rõ các hình thức định đoạt phần vốn góp

1.2.1 Chuyển nhượng.

Chuyển nhượng là việc chủ sở hữu giao tài sản thuộc sở hữu của mình cho người nhận chuyển nhượng và nhận được từ người nhận chuyển nhượng một khoản tiền tương đương với giá trị tài sản đó. Ở đây ta thấy có sự thoả thuận của giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền và nghĩa vụ. Từ đó ta có thể rút ra kết luận bản chất của chuyển nhượng là hợp đồng.

1.2.2 Các hình thức khác.

a. Thừa kế: là một chế định pháp luật dân sự, là tổng hợp các quy phạm pháp luật điều chỉnh việc dịch chuyển tài sản của người chết cho người khác theo di chúc hoặc theo một trình tự nhất định, đồng thời quy định phạm vi quyền, nghĩa vụ và phương thức bảo vệ các quyền và nghĩa vụ của người thừa kế.

b, Tặng cho là loại hợp đồng. Trong các loại hợp đồng thông dụng thì hợp đồng tặng cho có những đặc điểm riêng biệt. Tặng cho tài sản làm phát sinh quan hệ hợp đồng khi bên được tặng, cho nhận tài sản. Hợp đồng tặng cho là hợp đồng thực tế, sau khi các bên đã thoả thuận về việc tặng cho mà chưa chuyển giao tài sản, không làm phát sinh quyền của các bên. Vì vậy hợp đồng được coi là ký kết khi các bên chuyển giao tài sản. Thời điểm chuyển giao tài sản cũng là thời điểm chấm dứt hợp đồng.

c, Bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự:

+ Thế chấp là việc một bên dùng tài sản thuộc sở hữu của mình để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ dân sự đối với bên kia và không chuyển giao tài sản cho bên nhận thế chấp.

+ Cầm cố được hiểu là việc một bên giao tài sản thuộc quyền sở hữu của mình cho bên kia để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự.

+ Bảo lãnh là việc người thứ ba cam kết với bên có quyền sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ, nếu khi đến thời hạn mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ. Các bên cũng có thể thoả thuận về việc bên bảo lãnh chỉ phải thực hiện nghĩa vụ khi bên được bảo lãnh không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình.

1.3 Các điều kiện đối với việc định đoạt phần vốn góp

Ở phần này ta tập trung làm rõ các điều kiện để định đoạt phần vốn góp:

1.3.1 Cơ sở pháp lý tạo thành các điều kiện

a, Quy định pháp luật về quyền tài sản.

Theo như phân tích ở trên ta có thể thấy rằng phần vốn góp là quyền tài sản của thành viên góp vốn vào công ty. Theo quy định tại Điều 181 Bộ luật dân sự: “Quyền tài sản là quyền giá trị được bằng tiền và có thể chuyển giao trong giao dịch dân sự, kể cả quyền sở hữu trí tuệ”. Từ định nghĩa trên ta khẳng định quyền tài sản phải đáp ứng được hai yêu cầu:

+ Quyền tài sản trị giá được bằng tiền.

+ Có thể chuyển giao cho người khác trong giao dịch dân sự.

b, Quy định của pháp luật về quyền chủ sở hữu.

Thành viên khi góp vốn thành lập công ty trở thành chủ sở hữu đối với phần vốn góp. Quyền của chủ sở hữu bao gồm các quyền sau:

- Quyền chiếm hữu là quyền nắm giữ, quản lý tài sản
- Quyền sử dụng là quyền khai thác công dụng, hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản.
- Quyền định đoạt là quyền chuyển giao quyền sở hữu tài sản hoặc từ bỏ quyền sở hữu đó.

Ở trong phạm vi nghiên cứu đề tài ta chỉ tập trung làm rõ quyền định đoạt của chủ sở hữu.

Là một trong ba quyền năng của chủ sở hữu, quyền định đoạt tài sản được hiểu là quyền quyết định số phận pháp lý của tài sản và quyền này được thể hiện dưới hai góc độ:

+ Định đoạt về số phận thực tế của vật, tức là chủ thể có quyền định đoạt vật làm cho vật không còn trên thực tế nữa như: tiêu dùng hết, hủy bỏ, hoặc từ bỏ quyền chủ sở hữu (vứt bỏ hoặc tiêu huỷ tài sản đi).

+ Định đoạt số phận pháp lý của vật là việc chuyển giao sở hữu đối với tài sản từ chủ thể này sang chủ thể khác.

c, Quy định của Hiến pháp về bảo vệ chủ sở hữu.

Điều 15 – Hiến pháp sửa đổi 1992 ghi nhận: “ Nhà nước phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Cơ cấu kinh tế nhiều thành phần với các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh đa dạng dựa trên chế độ sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân, trong đó sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể là nền tảng”.

Điều 21 của Hiến pháp sửa đổi năm 1992 đã quy định: “Kinh tế cá thể, kinh tế tư bản tư nhân được chọn hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh, được thành lập doanh nghiệp không bị hạn chế về quy mô hoạt động trong những ngành nghề có lợi cho quốc kế dân sinh”.

1.3.2 Nội dung các điều kiện

Quyền định đoạt tài sản là một quyền năng quan trọng của quyền sở hữu, bởi nó liên quan đến việc quyết định số phận pháp lý của tài sản khi chuyển quyền sở hữu từ chủ thể này sang chủ thể khác hoặc số phận thực tế của tài sản. Bởi vậy, để bảo vệ quyền sở hữu tài sản của chủ sở hữu, Điều 196 Bộ luật dân sự quy định: “Việc định đoạt tài sản phải do người có năng lực hành vi dân sự thực hiện theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp pháp luật có quy định về trình tự, thủ tục định đoạt tài sản thì phải tuân theo trình tự thủ tục đó”. Theo quy định trên thì khi định đoạt tài sản phải tuân theo những điều kiện nhất định. Các điều kiện đó là:

+ Người định đoạt tài sản phải là người có năng lực hành vi dân sự thực hiện theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại Điều 17 Bộ luật dân sự thì năng lực hành vi của cá nhân là khả năng của cá nhân bằng hành vi của mình xác lập quyền và nghĩa vụ dân sự. Bộ luật dân sự cũng quy định năng lực hành vi dân sự ở từng độ tuổi nhất định phù hợp với khả năng nhận thức của người có tài sản. Người thành niên từ đủ 18 tuổi trở lên là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ có toàn quyền định đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu của mình, hoặc định đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác khi được người đó uỷ quyền, trừ những trường hợp người đó bị Toà án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự khi định đoạt tài sản.

+ Đối với những tài sản mà pháp luật quy định trình tự, thủ tục định đoạt tài sản, thì khi định đoạt tài sản người định đoạt tài sản phải tuân thủ theo quy định đó. Những tài sản pháp luật quy định trình tự, thủ tục định đoạt tài sản thường là bất động sản hoặc các tài sản là động sản phải đăng ký quyền sở hữu.

1.4 Nội dung và hiệu lực của định đoạt phần vốn góp

1.4.1 Nội dung của định đoạt phần vốn góp

Việc định đoạt phần vốn góp trong công ty TNHH thường được thực hiện thông qua hình thức là hợp đồng. Nội dung của định đoạt phần vốn góp chính là nội dung của hợp đồng. Nội dung của hợp đồng là tổng hợp các điều khoản trong hợp đồng. Một hợp đồng có thể bao gồm nhiều điều khoản do các bên thoả thuận, điều khoản do pháp luật quy định. Các điều khoản này làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên. Trong khoa học pháp lý, điều khoản của hợp đồng được chia làm 3 loại: điều khoản căn bản, điều khoản thông thường và điều khoản tùy nghi.

- Định đoạt phần vốn góp thông qua hình thức chuyển nhượng thì phải có thêm những nội dung như:

+ Giá và phương thức thanh toán. Giá cả do các bên tự do thoả thuận. Giá của phần vốn góp phụ thuộc rất nhiều vào tình hình hoạt động của công ty. Về phương thức thanh toán các bên có thể thoả thuận thanh toán bằng đồng Việt Nam, hoặc đồng ngoại tệ, bằng vàng ...

+ Quyền và nghĩa vụ của mỗi bên: đây là nội dung không thể thiếu trong hợp đồng, nó quyết định một hợp đồng có hình thành và thực hiện được hay không.

1.4.2 Hiệu lực của định đoạt phần vốn góp

1.4.2.1 Hiệu lực đối các bên tham gia định đoạt phần vốn góp

1.4.2.2 Hiệu lực đối với công ty

1.5 Tranh chấp và giải quyết tranh chấp về phần vốn góp

1.5.1 Các dạng tranh chấp

a, Tranh chấp về vốn góp và chia cổ tức:

b, Tranh chấp về chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn

c, Tranh chấp về tư cách thành viên công ty

1.5.2 Hình thức giải quyết tranh chấp

Tranh chấp về phần vốn góp thường diễn ra giữa các thành viên trong công ty TNHH với nhau và giữa công ty với các thành viên của công ty. Theo quy định tại khoản 3 điều 29 “tranh chấp giữa công ty với các thành viên của công ty, giữa các thành viên của công ty với nhau liên quan đến việc thành lập, hoạt động, giải thể, sáp nhập, hợp nhất, chia tách, chuyển đổi hình thức tổ chức hoạt động của công ty” thì thuộc thẩm quyền của Toà án.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ ĐỊNH ĐOẠT PHẦN VỐN GÓP CỦA THÀNH VIÊN TRONG CÔNG TY TNHH

Chương 2 là bức tranh toàn cảnh của pháp luật Việt Nam về định đoạt phần vốn góp trong công ty TNHH từ thời kỳ Pháp thuộc cho đến giai đoạn hiện nay.

2.1 Cấu trúc và sự phát triển của pháp luật Việt Nam về định đoạt phần vốn góp của thành viên trong công ty TNHH

Phần này nói về sự phát triển của pháp luật Việt Nam về định đoạt phần vốn góp trong công ty TNHH qua các thời kỳ: từ thời kỳ Pháp thuộc, thời kỳ sau cách mạng tháng 8 năm 1945, thời kỳ sau năm 1954 đất nước chia thành 2 miền nam bắc, thời kỳ sau đại hội đảng toàn quốc lần thứ VI năm 1986 đến nay.

2.2 Quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam về định đoạt phần vốn góp của thành viên trong công ty TNHH và những khuyến khích

Luật Doanh nghiệp 2005 quy định các hình thức định đoạt phần vốn góp trong công ty TNHH: mua lại phần vốn góp, chuyển nhượng phần vốn góp, thừa kế, tặng cho phần vốn góp, dùng phần vốn góp để trả nợ.

- Yêu cầu công ty mua lại phần vốn góp

Thành viên công ty TNHH có quyền yêu cầu công ty mua lại phần vốn góp của mình.

- Chuyển nhượng phần vốn góp

Điều 44 Luật doanh nghiệp quy định về việc chuyển nhượng phần vốn góp. Tuy nhiên quy định tại Điều 44 vẫn còn tồn tại một số vướng mắc.

Thứ nhất, quy định thành viên công ty muốn chuyển nhượng phần vốn góp phải chào bán phần vốn góp đó cho các thành viên còn lại theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của họ trong công ty với cùng điều kiện vẫn tạo điều kiện thuận lợi cho thành viên công ty lách luật trên thực tế. Bởi Luật Doanh nghiệp năm 2005 chỉ quy định phải chào bán cho các thành viên công ty với cùng điều kiện nhưng hoàn toàn không đề cập điều kiện đó phải như thế nào. Do vậy, việc thành viên muốn chuyển nhượng, chào bán phần vốn góp của mình với giá gấp 2 lần hoặc nhiều hơn so với giá trị thực tế trên thị trường khiến các thành viên công ty không thể mua được để bán cho người ngoài công ty vẫn là hợp pháp.

Thứ hai, Luật Doanh nghiệp năm 2005 chưa dự liệu đến trường hợp thành viên công ty muốn bán phần vốn góp của mình tại công ty nhưng vì lý do nào đó, các thành viên còn lại, mỗi người chỉ muốn mua một phần vốn góp mà thành viên chào bán thì việc mua bán sẽ được tiến hành như thế nào? Khoản 2 điều 44 có hai cách hiểu: Một là, nếu mỗi thành viên công ty không mua hết phần vốn góp mà mình được chào bán thì thành viên muốn chuyển nhượng có quyền không bán và chào bán toàn bộ phần vốn muốn chuyển nhượng cho người ngoài; Hai là thành viên công ty mua không hết thì thành viên muốn chuyển nhượng vẫn phải ưu tiên bán cho thành viên công ty và chỉ được bán cho người ngoài phần vốn còn lại mà thành viên công ty không mua.

Thứ ba, mâu thuẫn trong quy định tại Điều 44 và khoản 6 Điều 45. Điều 44 quy định loại trừ khoản 6 Điều 45: “ Trừ trường hợp quy định tại

khoản 6 Điều 45 của Luật này,...” nhưng khoản 6 Điều 45 lại dẫn chiếu đến quy định tại Điều 44 như sau: “ Trường hợp thành viên sử dụng phần vốn góp để trả nợ thì một cách mà người nhận thanh toán có quyền sử dụng phần vốn góp đó là chào bán và chuyển nhượng phần vốn góp đó theo quy định tại Điều 44 của Luật Doanh nghiệp”. Với quy định của pháp luật như vậy, thực tiễn áp dụng có nhiều lúng túng khi trường hợp người nhận thanh toán muốn chào bán và chuyển nhượng phần vốn góp theo quy định tại điều 44 nhưng lại bị chính điều 44 không cho phép.

- Thừa kế phần vốn góp

Theo quy định tại Điều 45 Luật Doanh nghiệp thì “Trong trường hợp thành viên là cá nhân chết hoặc bị Toà án tuyên bố là đã chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của thành viên đó là thành viên của công ty. Quy định này còn tồn tại một số bất cập đó là: khi người thừa kế đương nhiên được coi là thành viên công ty thì tư cách thành viên công ty đã được coi là tài sản thừa kế. Điều này trái với quy định tại Điều 634 Bộ luật dân sự về di sản thừa kế, theo đó di sản thừa kế bao gồm “tài sản riêng của người chết, phần tài sản của người chết trong tài sản chung với người khác”. Như vậy phần vốn góp kèm theo các quyền và nghĩa vụ có liên quan của người góp vốn mới là di sản thừa kế chứ không phải là tư cách thành viên công ty.

- Tặng cho phần vốn góp

Theo quy định tại điều 45 Luật Doanh nghiệp 2005 thì thành viên có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình tại công ty cho người khác. Trường hợp người được tặng cho là người có cùng huyết thống đến thế hệ thứ ba thì họ đương nhiên là thành viên của công ty. Trường hợp người được tặng cho là người khác thì họ chỉ trở thành thành

viên của công ty khi được Hội đồng thành viên chấp nhận. Trong trường hợp người được tặng cho không được hội đồng thành viên chấp thuận làm thành viên thì phần vốn góp được tặng cho được công ty mua lại hoặc chuyển nhượng theo quy định tại Điều 43 và Điều 44 của Luật Doanh nghiệp.

- Sử dụng phần vốn góp để trả nợ.

Khoản 6 Điều 45 Luật Doanh nghiệp quy định thành viên công ty TNHH có quyền sử dụng phần vốn góp để trả nợ, người nhận thanh toán có thể trở thành thành viên của công ty nếu được hội đồng thành viên chấp nhận hoặc chào bán và chuyển nhượng phần vốn góp đó theo quy định tại điều 44 của Luật Doanh nghiệp nếu không muốn trở thành thành viên của công ty hoặc không được hội đồng thành viên chấp thuận trở thành thành viên của công ty. Ở đây ta thấy có sự mâu thuẫn trong việc áp dụng điều luật. Theo quy định điều 44 thì loại trừ những trường hợp quy định tại khoản 6 điều 45, còn khoản 6 điều 45 lại dẫn chiếu ngược lại điều 44. Theo phân tích ở trên ta thấy việc yêu cầu công ty mua lại phần vốn góp và chuyển nhượng theo điều 44 là rất khó khăn. Vậy liệu có người nhận thanh toán nào dám nhận phần vốn góp để thay cho nghĩa vụ trả nợ không. Vì vậy quy định tại khoản 6 điều 45 dẫn chiếu ngược lại điều 44 trong Luật Doanh nghiệp là không hợp lý.

2.3 Nguyên nhân của những khuyết điểm trong quy định của pháp luật Việt Nam về định đoạt phần vốn góp của thành viên trong công ty TNHH

Thứ nhất, cơ chế kinh tế kế hoạch hoá tập trung, quan liêu bao cấp tồn tại trong một thời gian dài và còn ảnh hưởng tới hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay.

Thứ hai, việc xây dựng pháp luật thiếu một tư duy hệ thống, bao quát.

Thứ ba, pháp luật về kinh tế tư nhân nói chung và pháp luật về công ty nói riêng mới được xây dựng ở Việt Nam sau nhiều năm bị triệt tiêu, nên không tránh khỏi có sự lạc hậu, khiếm khuyết.

Thứ tư, trong xây dựng pháp luật về công ty còn giằng co giữa các vấn đề “*mở*” hoặc “*đóng*” trong chính sách đối với công ty nói chung và sự phát triển kinh tế tư nhân nói riêng nên nhiều khi tạo ra sự mâu thuẫn trong các quy định của pháp luật.

Chương 3

CÁC KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ ĐỊNH ĐOẠT PHẦN VỐN GÓP CỦA THÀNH VIÊN TRONG CÔNG TY TNHH

Trong chương này tác giả trình bày những nội dung chính sau:

3.1 Nhu cầu hoàn thiện pháp luật Việt Nam về định đoạt phần vốn góp của thành viên trong công ty TNHH

Để góp phần tích cực vào việc thực hiện nhất quán chính sách kinh tế được xác định trong Hiến pháp, trong các Nghị quyết của Đảng và Nhà nước; khai thác mạnh mẽ mọi nguồn lực trong và ngoài nước cho phát triển kinh tế; nâng cao sức cạnh tranh của các doanh nghiệp – một trong động lực quan trọng của phát triển; tạo khung pháp lý thống nhất, minh bạch, bình đẳng hơn cho mọi loại hình doanh nghiệp và tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình định đoạt phần vốn góp trong công ty TNHH, việc hoàn thiện quy định của pháp luật Việt Nam về định đoạt phần vốn góp trong công ty TNHH là một nhu cầu tất yếu.

3.2. Phương hướng hoàn thiện pháp luật Việt Nam về định đoạt phần vốn góp của thành viên trong công ty TNHH

Việc hoàn thiện pháp luật Việt Nam về định đoạt phần vốn góp trong công ty TNHH trong thời gian tới cần dựa trên những phương hướng cơ bản sau đây:

Một là, thể chế hoá sâu sắc đường lối đổi mới và các chủ trương chính sách đã được khẳng định tại Đại hội lần thứ IX của Đảng nhất là chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, coi các thành phần kinh tế đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường

định hướng xã hội chủ nghĩa; chính sách phát huy tối đa nội lực và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Hai là, kế thừa những quy định tiên bộ, tích cực mà pháp luật về định đoạt phần vốn góp trong công ty TNHH hiện hành của Việt Nam đã đạt được, khắc phục những tồn tại, hạn chế.

Ba là, tạo ra sự bình đẳng giữa thành phần kinh tế tư nhân và thành phần kinh tế quốc doanh. Sự bình đẳng này phải được bảo đảm cả về mặt pháp lý và trên thực tế. Muốn vậy, chúng ta cần phải:

- + Tạo ra một luật “chơi” thống nhất.
- + Tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh.
- + Xoá bỏ dần sự độc quyền của các công ty nhà nước trên một số lĩnh vực.

Bốn là, bảo đảm quyền tự do kinh doanh của mọi chủ thể, có quy định hỗ trợ doanh nghiệp trong việc tạo lập, vận hành hệ thống quản trị doanh nghiệp có hiệu quả, đúng pháp luật.

Năm là, đổi mới một cách cơ bản chức năng, nhiệm vụ và phương thức quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp.

Sáu là, đảm bảo vừa phù hợp với đặc điểm, trình độ phát triển của nền kinh tế nước ta đang chuyển đổi, vừa đáp ứng yêu cầu chủ động hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

3.3 Những kiến nghị chủ yếu nhằm hoàn thiện pháp luật Việt Nam về định đoạt phần vốn góp của thành viên trong công ty TNHH

Hoàn thiện pháp luật về định đoạt phần vốn góp của thành viên trong công ty TNHH là vấn đề quan trọng ở Việt Nam hiện nay, trên cơ sở các nghiên cứu trên, tôi xin nêu ra một số kiến nghị chủ yếu sau:

3.3.1 Xây dựng một hệ thống văn bản pháp luật hoàn chỉnh về công ty

Hoạt động của công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều ngành luật khác nhau. Do đó, hoàn thiện cơ sở pháp lý cho hoạt động của công ty không phải chỉ là hoàn thiện pháp luật về doanh nghiệp mà còn bao gồm cả pháp luật dân sự, pháp luật hành chính, pháp luật thương mại, pháp luật lao động...

Tiếp tục nghiên cứu sửa đổi những hạn chế của Luật Doanh nghiệp. Đảm bảo tính hệ thống và tính đồng bộ của các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp.

3.3.2 Hoàn thiện các quy định của Luật Thương mại

Thứ nhất, Khái niệm thương mại trong Luật Thương mại phải được hiểu theo nghĩa rộng, gồm toàn bộ các hoạt động từ đầu tư vốn, sản xuất, mua bán đến việc cung ứng mọi loại dịch vụ nhằm mục đích sinh lợi.

Thứ hai, Một số nội dung trong Luật Thương mại hiện hành phải được cơ cấu lại để có thể áp dụng chung cho mọi hành vi thương mại chứ không chỉ áp dụng riêng cho quan hệ mua bán hàng hoá như hiện nay.

Thứ ba, Luật Thương mại không nên quy định cứng nhắc những nội dung chủ yếu của hợp đồng như hiện nay mà nên dành quyền thoả thuận về điều khoản chủ yếu cho các bên tham gia quan hệ hợp đồng.

3.3.3 Cải cách thủ tục hành chính

Đây là việc chúng ta đã nói nhiều nhưng việc thực hiện còn hạn chế vì cơ chế quản lý cũ đã ăn sâu vào tiềm thức, nó có sức ỳ rất lớn đòi hỏi phải có hành động kiên quyết. Việc cải cách thủ tục hành chính để tạo điều kiện cho các công ty phát triển trước hết ở khâu thành lập công ty.

Việc cải cách thủ tục hành chính tạo điều kiện cho thành lập công ty là điều kiện cần. Còn quan trọng hơn nữa và là điều kiện đủ để cho công ty phát triển đó là cải cách thủ tục hành chính trong việc quản lý hoạt động của công ty.

3.3.4 Công khai và minh bạch chính sách

Việc công khai và minh bạch trong các chính sách của nhà nước là một yêu cầu bắt buộc trong nền kinh tế thị trường và yêu cầu khi hội nhập.

3.3.5 Tạo điều kiện tốt hơn nữa cho hoạt động của công ty

Tạo điều kiện cho một công ty ra đời chỉ là bước khởi đầu. Việc tạo điều kiện cho nó có thể tồn tại và phát triển còn có ý nghĩa quan trọng hơn nữa. Chỉ khi nào công ty tồn tại và phát triển thì mục đích đầu tư mới đạt được và lợi ích cho xã hội mới phát sinh.

3.3.6 Hoàn thiện quy định về chuyển nhượng phần vốn góp

Quy định tại điều 44 Luật Doanh nghiệp 2005 còn một số vướng mắc, nên trong thực tiễn áp dụng có nhiều lúng túng vì điều 44 loại trừ khoản 6 điều 45, nhưng khoản 6 điều 45 lại dẫn chiếu ngược lại điều 44. Do đó Luật Doanh nghiệp nên loại bỏ quy định loại trừ tại điều 44.

3.3.7 Sửa đổi quy định về thừa kế phần vốn góp.

Theo quy định tại điều 634 Bộ luật dân sự thì di sản thừa kế là tài sản của người chết để lại. Tài sản bao gồm tiền, vật trị giá được bằng tiền, quyền tài sản. Tuy nhiên khoản 1 điều 45 Luật Doanh nghiệp quy định trường hợp thành viên là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của thành viên đó là thành viên của công ty. Với quy định như vậy thì tư cách thành viên chính là di sản thừa kế, trái với quy định của Bộ luật Dân sự. Do đó chúng ta nên bỏ quy định tại khoản 1 điều 45.

Ở đây chúng ta phải xác định di sản thừa kế là phần vốn góp của người để lại di sản chứ không phải là tư cách thành viên của người chết.

KẾT LUẬN

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, và quá trình hội nhập ngày càng sâu rộng của Việt Nam, các loại hình công ty ngày càng được thành lập nhiều và tham gia sâu rộng vào trong đời sống xã hội. Một trong các loại hình công ty rất phổ biến ở nước ta đó là công ty TNHH. Công ty TNHH là một thực thể kinh doanh độc lập, nó có tài sản riêng biệt với tài sản của những người tạo lập nên nó. Nói như vậy không có nghĩa là khi góp vốn thành lập công ty thì người góp vốn sẽ mất đi một phần tài sản của mình. Khi góp vốn thành lập công ty thì tài sản góp vốn sẽ thuộc sở hữu của công ty nhưng đổi lại người góp vốn sẽ được cấp giấy chứng nhận phần vốn góp. Phần vốn góp là quyền tài sản của người góp vốn thành lập công ty.

Theo quy định của Bộ luật dân sự thì quyền tài sản cũng là một dạng tài sản vì vậy nó có thể đem giao dịch. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay số lượng công ty TNHH ở nước ta rất nhiều, đất nước đang trong giai đoạn hội nhập sâu rộng với khu vực và quốc tế thì việc chuyển nhượng phần vốn góp là cách thức tham gia thị trường khá hữu hiệu và được nhiều nhà đầu tư lựa chọn. Với những ưu điểm rõ rệt như giảm chi phí gia nhập thị trường, tăng sức cạnh tranh hay một cơ hội rút lui hiệu quả khỏi thị trường, việc chuyển nhượng phần vốn góp mang lại nhiều lợi ích cho cả bên chuyển nhượng lẫn bên nhận chuyển nhượng. Vì vậy hình thức chuyển nhượng phần vốn góp ngày càng diễn ra phổ biến.

Phần vốn góp là quyền tài sản vì vậy người góp vốn có thể sử dụng nó tham gia rất nhiều quan hệ khác trong cuộc sống hàng ngày như tặng, cho phần vốn góp; sử dụng phần vốn góp để trả nợ; hay để lại thừa kế. Từ những phân tích ở trên ta có thể thấy rằng phần vốn góp tham gia vào rất

nhiều mối quan hệ trong cuộc sống hàng ngày. Tuy nhiên các quy định của pháp luật hiện nay về định đoạt phần vốn góp còn rất nhiều điểm bất cập. Vì vậy việc xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý về định đoạt phần vốn góp trong công ty TNHH là nhu cầu cấp thiết hiện nay.

Với cách tiếp cận như vậy, luận án đã nghiên cứu và giải quyết được các vấn đề sau:

1. Xây dựng cơ sở lý luận về định đoạt phần vốn góp trong công ty TNHH, bao gồm quan niệm về công ty, phần vốn góp, nền tảng lý luận của các hình thức định đoạt phần vốn góp, pháp luật điều tiết nó và các đặc điểm của nó để tạo ra một hệ thống các quan điểm xuyên suốt chế định pháp luật này. Nền tảng này dựa trên chế định tài sản và quyền sở hữu. Qua đó ta thấy được rằng phần vốn góp là quyền tài sản của người góp vốn. Sau khi định đoạt phần vốn góp tạo ra một loạt các hệ quả đối với các thành viên của công ty và chính công ty.

2. Thực trạng pháp luật về định đoạt phần vốn góp trong công ty TNHH ở Việt Nam còn nhiều khiếm khuyết. Để có thể xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật này, cần phải làm rõ những khiếm khuyết của chúng. Luận án đã phân tích một cách khá đầy đủ những khiếm khuyết và trong một chừng mực nào đó, chỉ ra những nguyên nhân dẫn đến khiếm khuyết này.

3. Luận án đưa ra những định hướng và các kiến nghị cụ thể nhằm xây dựng và hoàn thiện pháp luật về định đoạt phần vốn góp trong công ty TNHH. Các định hướng quan trọng nhất là làm cho pháp luật về định đoạt phần vốn góp là một bộ phận của tổng thể thống nhất có kết cấu lôgic, đầy đủ, phù hợp. Muốn làm được như vậy phải gắn từng chế định với tổng thể và khi xây dựng hay cải cách tổng thể không thể quên các chế định, đồng

thời phải thể hiện được ý tưởng của Đảng, cũng như tiếp thu một cách có chọn lọc yếu tố truyền thống và kinh nghiệm nước ngoài.